

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm trong Khu công nghệ cao thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 311/TTr- STC ngày 16 tháng 11 năm 2018; ý kiến thẩm định dự thảo văn bản của Sở Tư pháp tại Công văn số 3051/STP-XDKTVB ngày 13 tháng 9 năm 2018 và nội dung thống nhất tại cuộc họp UBND thành phố thường kỳ ngày 11 tháng 01 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm trong Khu công nghệ cao thành phố Đà Nẵng

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2019.

2. Bãi bỏ Khoản 1, Điều 5 Quy định kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND thành phố về việc ban hành Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu công nghệ cao

3. Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Quy định Mức tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất, mức thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức thu đối với đất có mặt nước ngoài

khu công nghiệp, đơn giá thuê mặt nước đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND thành phố như sau:

Quy định này quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, mức thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức thu đối với đất có mặt nước ngoài khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc nhà nước; Trưởng ban ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Huỳnh Đức Thọ.

QUY ĐỊNH

**Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền
thuê đất hàng năm trong Khu công nghiệp cao**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy định này quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm trong Khu công nghiệp cao Đà Nẵng.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao; Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân được cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trong , Khu công nghệ cao Đà Nẵng theo quy định của pháp luật đất đai;

2. ban Quản lý công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 3. Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm

Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm trong Khu công nghệ cao là 1%/năm

Điều 4. Đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

1. Đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được xác định bằng mức tỷ lệ phần trăm (%) tại Điều 3 Quy định này nhân (×) giá đất cụ thể tính thu tiền thuê đất.

Trong đó :

a) Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm theo Quy định tại Điều 3 Quyết định này.

b) Giá đất cụ thể thu tiền thuê đất được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất (bằng giá đất theo mục đích sử dụng đất trong Khu công nghệ cao Đà Nẵng

được quy định tại bảng giá đất nhân (x) hệ số điều chỉnh giá đất do UBND thành phố ban hành tại thời điểm tính tiền thuê đất hàng năm)

2. Điều chỉnh đơn giá thuê đất : Đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được ổn định 5 năm tính từ thời điểm được Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng ký hợp đồng cho thuê đất. Hết thời gian ổn định, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng điều chỉnh lại đơn giá thuê đất để áp dụng cho thời gian ổn định tiếp theo chính sách và giá đất tại thời điểm điều chỉnh.

Điều 5. Căn cứ mức tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Điều 3 Quy định này, hệ số điều chỉnh giá đất do UBND thành phố quy định hàng năm, Bảng giá đất do UBND thành phố quy định, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng xác định tiền thuê đất, điều chỉnh đơn giá thuê đất theo Quy định tại Điều 4 Quy định này.

Điều 6. Xử lý chuyển tiếp

Trường hợp các tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm trong và các Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành và đang trong thời gian ổn định đơn giá thuê đất 5 năm thì tiếp tục ổn định đơn giá thuê đất đến hết thời gian ổn định

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện xác định tiền thuê đất theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật về đất đai.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng và các đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Tài chính để phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế thành phố tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, giải quyết./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Huỳnh Đức Thơ